TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2020/KDTM - ST
Ngày: 05/6/2020
V/v: Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lưu Thị Hồng Vân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Chu Thị Tuyết**.
2. **Ông Đỗ Quang Linh**.

Thư ký phiên tòa: **Bà Hà Phương Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân: **Bà Đào Thị Mai Phương** - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 39/2019/TLST - KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc *"Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/QĐST - KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần TP; Địa chỉ: 57 đường K, phường Đ, quận Hoàn Kiếm , thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P - Chủ tịch Hội đồng quản trị; đại diện uỷ quyền: Ông Nguyễn Xuân T (theo giấy ủy quyền số 155/2018/GUQ-TPB.LC ngày 13/6/2018). Ông T có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần X(nay là Công ty cổ phần VT); Địa chỉ: số 158, phố Đ, phường T, quậnThanh Xuân, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn P - Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn – Ngân hàng TP (TP – Sau đây gọi tắt là TP) trình bày:

Công ty cổ phần X(nay là Công ty cổ phần VT – Sau đây gọi tắt là công ty VT) vay vốn của TP – Chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng cho vay số 93/2016/HĐBD/BDI/01 ngày 25/10/2016 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 93/2016/GNN/BDI/01 ngày 25/10/2016; Theo đó, nội dung của hợp đồng như sau: Giá trị hạn mức vay: 679.200.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm đồng)*;* Thời hạn của hạn mức: 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày 25/10/2016; Mục đích vay: thanh toán tiền mua ô tô*;* Lãi suất vay: quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô Toyota màu cam ánh kim, sản xuất năm 2016, BKS: 29C-743.93; số khung: MROBZ3CD0G0001997; số máy: 1KDU901943 của Công ty VT.

Thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, TP đã giải ngân cho Công ty VT đầy đủ số tiền theo khế ước nhận nợ nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, Công ty VT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho TP. TP đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện cho khách hàng thanh toán các khoản nợ nhưng khách hàng không có khả năng trả nợ.Tạm tính đến ngày 02/6/2020, Công ty VT phải thanh toán cho TP số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc: 622.600.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 131.279.351 đồng; Lãi quá hạn: 277.712.292 đồng; Tổng số tiền TP đề nghị Tòa án buộc Công ty VT phải thanh toán là: 900.312.292 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Khế ước nhận nợ thuộc Hợp đồng cho vay cho đến ngày Công ty VT thực tế thanh toán hết các khoản nợ cho TP. Nếu Công ty VT không thực hiện theo yêu cầu nêu trên, kính đề nghị Tòa án tuyên kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi

nợ cho TP là: 01 xe ô tô Toyota màu cam ánh kim, sản xuất năm 2016, BKS: 29C- 743.93; số khung: MROBZ3CD0G0001997; số máy: 1KDU901943.

Tại bản tự khai và tại các biên bản hòa giải đại diện theo pháp luật của bị đơn công ty cổ phần VT – Ông Trần Văn P trình bày:

Công ty cổ phần Xthừa nhận có ký kết hợp đồng cho vay với Ngân hàng TP và đã được giải ngân theo đúng khế ước nhận nợ mà Ngân hàng đã trình bày. Để đảm bảo cho khoản vay tại TP, Công ty cổ phần X đã thế chấp tài sản của công ty là: 01 xe ô tô Toyota màu cam ánh kim, sản xuất năm 2016, BKS: 29C-743.93; số khung: MROBZ3CD0G0001997; số máy: 1KDU901943 để đảm bảo khoản vay của công ty VT tại Ngân hàng.

Ngày 26/9/2019, Công ty cổ phần X đã làm thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, từ tên "cổ phần xây lắp hạ tầng kỹ thuật 39" chuyển đổi sang tên "Công ty cổ phần VT" do ông là Trần Văn P – Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị làm đại diện theo pháp luật.

Công ty thừa nhận đến nay còn nợ TP số tiền nợ gốc và lãi như trên. Công ty VT có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho TP. Do hiện nay Công ty VT gặp rất nhiều khó khăn, nên đưa ra lộ trình mỗi tháng xin trả 5.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 3.2020 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản vay.

Đối với tài sản bảo đảm là: 01 chiếc ô tô Toyota màu cam ánh kim, sản xuất năm 2016, BKS: 29C- 743.93; số khung: MROBZ3CD0G0001997; số máy: 1KDU901943: Quá trình giải quyết vụ án: ông Trần Văn P – Đại người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày: Do khó khăn nên công ty có vay của ông T (không nhớ họ tên đầy đủ chỉ biết là nhà ở xã D, Phú Thọ) với số tiền: 250.000.000 đồng, vì không có đủ tiền để trả nợ nên cuối năm 2016 ông T đã cầm giữ chiếc ô tô trên và việc cầm giữ này không lập biên bản và công ty cũng không báo cho phía ngân hàng cũng như chính quyền địa phương. Nay chiếc xe ở đâu công ty cũng không nắm được.

Tại phiên tòa ngày hôm nay,

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc công ty VT thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến

ngày 02/6/2020 là: **900.312.292 đồng**, Trong đó: Nợ gốc: 622.600.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 131.279.351 đồng; Lãi quá hạn: 277.712.292 đồng.

Đại diện theo pháp luật của Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân phát biểu: Về tố tụng: Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng một phần khách quan là do bị đơn thay đổi tên, địa chỉ trụ sở không báo cho Nguyên đơn nên cần thời gian để Tòa án xác minh thu thập chứng cứ; Về nội dung: Đề nghị Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần TP đối với Công ty cổ phần X(nay là Công ty cổ phần VT); Buộc Bị đơn phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 02/6/2020 là: **900.312.292 đồng** *(Chín trăm triệu, ba trăm mười hai nghìn, hai trăm chín mươi hai đồng);* Trong đó: Nợ gốc là: 622.600.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 131.279.351 đồng; Lãi quá hạn: 277.712.292 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 02/6/2020, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp bị đơn không thanh toán được số nợ trên cho ngân hàng thương mại cổ phần TP thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng**: Tranh chấp trong vụ án này là Hợp đồng cho vay số 93/2016/HTBD/BDI/01 ngày 25/10/2016 và khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng thương mại cổ phần TP và Công ty cổ phần X(nay là Công ty cổ phần VT).Theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân giải quyết sơ thẩm đang trong thời hiệu khởi kiện.

Ngày 02/6/2020, Toà án nhân dân quận Thanh Xuân đã đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn,

***Về nội dung**: Ngân hàng TP – chi nhánh Đ cấp tín dụng hạn mức cho công ty VT theo Hợp đồng cho vay 93/2016/HTBD/BDI/01ngày 25/10/2016 khế ước nhận nợ với số tiền vay là: 679.200.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn: thanh toán tiền mua xe ô tô; Số tiền gốc đã trả: 56.600.000đồng; Số tiền lãi đã trả: 23.632.303 đồng**;** Dư nợ của Công ty VT tại TP tạm tính đến ngày 02/6/2020 là: **900.312.292 đồng**, Trong đó: Nợ gốc: 622.600.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 131.279.351 đồng; Lãi quá hạn: 277.712.292 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, công ty VT đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Sau khi phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện cho khách hàng thanh toán nợ cho ngân hàng, nhưng công ty VT cố tình không thực hiện.Việc chậm trả nợ của công ty VT đã vi phạm hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện đòi nợ công ty VT theo Hợp đồng tín dụng hạn mức là đúng các quy định của pháp luật.

Đối chiếu các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và bản kê tính lãi mà nguyên đơn cung cấp thấy mức lãi suất tính và yêu cầu công ty VT phải trả là phù hợp với các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức ký ngày 25/10/2016 giữa hai bên, phù hợp với các quy định của Thống đốc ngân hàng nhà nước cũng như quy định mà Bộ luật dân sự về lãi suất nên có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy buộc công ty VT phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/6/2020 là: **900.312.292 đồng**, Trong đó: Nợ gốc: 622.600.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 131.279.351 đồng; Lãi quá hạn: 277.712.292 đồng.

Xét hợp đồng thế chấp số 93/2016/HDBD/BDI/01 ngày 25/10/2016 và bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 31/10/2016 ký kết giữa TP và công ty VT thấy: Tài sản thế chấp là: 01 Chiếc xe ô tô Toyota HILUX G, màu cam ánh kim sản xuất năm 2016, BKS: 29C- 743.93; số khung: MROBZ3CD0G0001997; số máy: 1KDU901943 thuộc quyền sở hữu của công ty VT**.** Tài sản bảo đảm này đảm bảo cho tất cả các khoản vay của công ty VT tại TP . Khi ký hợp đồng thế chấp tài sản này các bên hoàn toàn tự nguyện

không ai ép buộc, hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo đúng theo thủ tục pháp luật nên có giá trị buộc các bên phải thi hành nếu công ty VT không có tiền trả nợ đến hạn thì TP có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản là có căn cứ nên được chấp nhận.

Việc người đại diện thep pháp luật của công ty VT trình bày hiện chiếc xe đã bị ông T ở xã D, Phú Thọ giữ nhưng không đưa ra được bất cứ tài liệu nào để chứng minh việc này do vậy công ty VT phải chịu trách nhiệm về việc này.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây, đồng thời buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

Về quyền kháng cáo: Về quyền kháng cáo: theo quy định tại Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 30, Điều 35, 91, 93, 147, 227, 271; 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 303;317;323; 351; 357, 466, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 52, 54, 56 Luật tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định số 08/2000/NĐ-CP ngày 10/03/2000 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 10/03/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; Căn cứ Quyết định số 1267/2001 của Ngân hàng nhà nước về quy chế cho vay; Căn cứ Quyết định số 546/2002 ngày 30/05/2002 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần TP đối với Công ty cổ phần X(nay là Công ty cổ phần VT) theo hợp đồng cho vay 93/2016/HTBD/BDI/01ngày 25/10/2016 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 93/2016/GNN/BDI/01 ngày 25/10/2016 .

2. Buộc Công ty cổ phần X(nay là Công ty cổ phần VT) phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần TP số tiền tính đến ngày 02/6/2020 là: **900.312.292 đồng** *(Chín trăm triệu, ba trăm mười hai nghìn, hai trăm chín mươi hai đồng);* Trong đó: Nợ gốc là: 622.600.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 131.279.351 đồng; Lãi quá hạn: 277.712.292 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 02/6/2020, Công ty cổ phần X(nay là Công ty cổ phần VT) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Trường hợp Công ty cổ phần X(nay là Công ty cổ phần VT) không thanh toán được số nợ trên cho ngân hàng thương mại cổ phần TP thì ngân hàng thương mại cổ phần TP có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là: 01 chiếc xe ô tô Toyota HILUX G, màu cam ánh kim sản xuất năm 2016, BKS: 29C- 743.93; số khung: MROBZ3CD0G0001997; số máy: 1KDU901943

4. Trường hợp công ty cổ phần cổ phần xây lắp hạ tầng kỹ thuật 39 (nay là Công ty cổ phần VT) thanh toán toàn bộ khoản nợ trên thì ngân hàng thương mại cổ phần TP có trách nhiệm trả lại giấy tờ xe đã thế chấp và làm thủ tục giải chấp ngay.

5. Về án phí: - Công ty cổ phần X(nay là Công ty cổ phần VT) phải nộp: **39.009.500 đồng** *(ba mươi chín triệu, không trăm linh chín nghìn, năm trăm đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần TP số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là: **15.970.000 đồng** *(mười lăm triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006188 ngày 02/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

6. Án xử công khai sơ thẩm: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND quận Thanh Xuân;
- THADS quận Thanh Xuân;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Vân

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà